

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 15/ 8/2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Lý Văn Chính.

2, Bà Phan Thị Huyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ma Văn Chung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST- DS, ngày 15 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Ngân hàng N.**

Địa chỉ: Số B, đường L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình Đ** - Chức vụ: phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh C3 - Có mặt.

* **Bị đơn:** 1. Bà **Hà Thị T**, sinh năm 1979;

2. Ông **Hoàng Văn H**, sinh năm 1978;

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Thái Nguyên – Đều Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Hoàng Văn T1**, sinh năm 1999;

2. Chị **Đặng Linh C**, sinh năm 2002;

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Thái Nguyên – Đều Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 10 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Giữa Ngân hàng N – Chi nhánh C3 ký hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 23/9/2019 của bà Hà Thị T, sinh năm 1979; trú tại thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên). Ngân hàng N1 (A) – Chi nhánh huyện C, tỉnh Bắc Kạn và bà Hà Thị T ký hợp đồng tín dụng số: 8606LAV201901256 ngày 24/9/2019, với số tiền là 500.000.000^d (Năm trăm triệu đồng); phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Mục đích sử dụng vốn vay: Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ (cho vay ngắn hạn tối đa không quá 5%/năm, cho vay trung, dài hạn không quá 6%/ năm).

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản là bất động sản của bà Hà Thị T theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 8606-LCL-201902226/HĐTC, ngày 24/9/2019 là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất số CI 585391 do UBND huyện C cấp ngày 18/01/2018. Sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ số CS 05726. Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là bà Hà Thị T, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; diện tích sử dụng: 703,3m²; mục đích sử dụng: 100m² đất ở nông thôn và 603,3m² đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đất ở lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 27/11/2023; nguồn gốc sử dụng: Được tặng cho. Tài sản gắn liền trên đất: + Loại nhà: Nhà xây kiên cố, mái tôn, trần ốp gỗ, nền lát gạch hoa, công trình phụ khép kín; + Tổng diện tích sử dụng: 100m², diện tích xây dựng 100m²; + Kết cấu nhà: Bê tông cốt thép, tường gạch, số tầng: 01 tầng.

Giá trị tài sản: 740.330.000^d (Bảy trăm bốn mươi triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Trong quá trình quan hệ tín dụng, bà Hà Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng N1 (A) – Chi nhánh huyện C đã nhiều lần gửi thông báo và làm việc với bà T, đôn đốc trả nợ.

Nay Ngân hàng N1 (A) – Chi nhánh C3 yêu cầu bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H phải trả nợ toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ tiền lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/8/2025 là 741.133.746^d (Bảy trăm bốn mươi triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm bốn sáu đồng).

Nếu bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Đề nghị Tòa án tuyên phát mại các tài sản thế chấp của bà T là:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSDĐ số CI 585391 cấp ngày 18/01/2018 do UBND huyện C cấp; số vào sổ cấp GCN: CS 05726; Diện tích 703,3m² (trong đó: đất ở nông thôn 100m²; đất trồng cây lâu năm: 603,3m²) tại thửa đất số 68; tờ bản đồ số 28; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn Bản C1, xã T, tỉnh Thái Nguyên).

- Tài sản gắn liền với đất là: Nhà xây kiên cố, mái lợp tôn, trần ốp gỗ, nền lát gạch hoa, tổng diện tích sử dụng 100m², diện tích xây dựng 100m² tại Thôn B Còn, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn Bản C1, xã T, tỉnh Thái Nguyên).

** Tại bản tự khai ngày 22/11/2024 bị đơn bà Hà Thị T trình bày:*

Tháng 9/ 2019 bà được ký kết HĐTD với Ngân hàng N – Chi nhánh C3 vay số tiền 500.000.000^d (Năm trăm triệu đồng), sau khi ký kết được Ngân hàng giải ngân và được rút vốn vay theo quy định, số tiền vay sử dụng đúng mục đích vay.

Bà đã thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSDĐ số CI 585391 cấp ngày 18/01/2018 do UBND huyện C cấp; Diện tích 703,3m²; tài sản gắn liền với đất là: Nhà xây kiên cố, mái lợp tôn, trần ốp gỗ, nền lát gạch hoa, tổng diện tích sử dụng 100m², diện tích xây dựng 100m² tại Thôn B còn xã N (nay là xã T) huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tạm tính đến ngày 07/11/2024 bà còn nợ Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi là 700.794. 120^d.

Nay bà nhất trí trả cho Ngân hàng hết gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết, tuy nhiên hiện nay bà chưa có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, bà hẹn đến ngày 22/01/2025 sẽ trả toàn bộ nợ và lãi phát sinh, trường hợp bà không trả được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2025 và ngày 24/7/2025 bị đơn ông Hoàng Văn H trình bày:*

Ông là chồng của bà Hà Thị T, ngày 24/9/2019 ông có được uỷ quyền cho bà T vay của Ngân hàng N – Chi nhánh C3 vay số tiền 500.000.000^d (Năm trăm triệu đồng), bà T và ông sử dụng số tiền trên để phát triển kinh tế gia đình, để đảm bảo khoản vay trên bà T đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là nhà cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện buộc ông và bà T phải

trả số tiền đã vay cả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì ông nhất trí cùng bà T có trách nhiệm trả khoản tiền trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn T2 và chị Đặng Linh C trình bày:*

Anh và chị là con đẻ và con dâu của bà Hà Thị T, năm 2023 anh chị cưới nhau xong thì được bà T cho ra ở riêng sống trên căn nhà và đất mà bà T đã thế chấp cho Ngân hàng từ năm 2019. Từ khi anh, chị sinh sống trong ngôi nhà trên anh, chị không sửa chữa hay tôn tạo gì. Nay Ngân hàng khởi kiện bà T và yêu cầu phát mại tài sản là nhà và đất mà anh, chị đang ở thì anh, chị không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:* - Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

+ Nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H phải trả cho Ngân hàng N đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 741.133.746^d (*Bảy trăm bốn một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm bốn sáu đồng*) và các khoản tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh cho Ngân hàng N theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Trường hợp bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên) ngày 28/3/2025.

+ Về án phí: Buộc bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H trả nợ số tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại

khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên) thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ, đồng thời niêm yết các giấy triệu tập và các thông báo tại nơi cư trú của bị đơn bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H nhiều lần theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành hoà giải, nhưng bà T và ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do vậy, quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ. Căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với hợp đồng tín dụng: - Hợp đồng tín dụng số 8606-LAV-20191256, ngày 24/9/2019 ký kết giữa Ngân hàng N với bà Hà Thị T với số tiền vay là 500.000.000^d (Một tỷ Năm trăm triệu đồng chẵn); mục đích vay: Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần nhưng lãi suất sau khi điều chỉnh không thấp hơn mức lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm điều chỉnh và không vượt lãi suất do A chi nhánh tỉnh C3 quy định từng thời kỳ theo công thức sau: Lãi suất cho vay (%/năm) = Lãi suất cao nhất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bằng đồng Việt Nam theo quy định của Tổng Giám đốc, trong đó M: áp dụng đối với cho vay ngắn hạn tối đa không quá 5%/năm, đối với cho vay trung, dài hạn không quá 6%/năm; Mức lãi suất: Theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn 130% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả: Không áp dụng.

Khi đến thời hạn trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết nhưng bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng làm đơn khởi kiện buộc bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H phải trả toàn bộ số tiền còn nợ Ngân hàng N đến ngày xét xử sơ thẩm là: 741.133.746^d (*Bảy trăm bốn một triệu, một trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm bốn sáu đồng*).

Xét thấy: Hợp đồng ký kết giữa Ngân hàng và bà Hà Thị T được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu

cầu bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H thanh toán nợ là có cơ sở chấp nhận. Yêu cầu của Ngân hàng về trả nợ các khoản nợ gốc, nợ lãi là phù hợp với nội dung của Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bởi vậy buộc bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 741.133.746^d (*Bảy trăm bốn một triệu, một trăm ba ba nghìn, bảy trăm bốn sáu đồng*), trong đó tổng dư nợ gốc là 488.357.000^d (*Bốn trăm tám tám triệu, ba trăm năm bảy nghìn đồng*), nợ lãi là 214.282.361^d (*Hai trăm mười bốn triệu, hai trăm tám hai nghìn, ba trăm sáu một đồng*), nợ lãi quá hạn là 38.494.385^d (*Ba tám triệu, bốn trăm chín tư nghìn, ba trăm tám lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 8606-LCL-201902226/HĐTC ngày 24/9/2019; biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm ngày 24/9/2019, được lập giữa Ngân hàng N với bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H; thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất số CI 585391 do UBND huyện C cấp ngày 18/01/2018. Số vào sổ cấp GCNQSDĐ số CS 05726. Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là bà Hà Thị T, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 28, địa chỉ thửa đất: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; diện tích sử dụng: 703,3m²; mục đích sử dụng: 100m² đất ở nông thôn và 603,3m² đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đất ở lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 27/11/2023; nguồn gốc sử dụng: Được tặng cho. Tài sản gắn liền trên đất: + Loại nhà: Nhà xây kiên cố, mái tôn, trần ốp gỗ, nền lát gạch hoa, công trình phụ khép kín; + Tổng diện tích sử dụng: 100m², diện tích xây dựng 100m²; + Kết cấu nhà: Bê tông cốt thép, tường gạch, số tầng: 01 tầng.

Giá trị tài sản: 740.330.000^d (*Bảy trăm bốn mươi triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng*).

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản trên đã được các bên ký kết và được công chứng tại Phòng công chứng số III tỉnh B, như vậy Hợp đồng thế chấp tài sản trên là đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng,

không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận, do đó chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Vì vậy bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H không trả được nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại khối tài sản trên để thu hồi nợ.

[4] Đối với chi phí tố tụng: Ngân hàng N tự nguyện chịu chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.000.000^d (*Bốn triệu đồng*). Xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ số tiền trên.

[5] Về án phí: Buộc bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H phải trả cho Ngân hàng N đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là: 741.133.746^d (*Bảy trăm bốn mươi triệu, một trăm ba ba nghìn, bảy trăm bốn sáu đồng*), trong đó tổng dư nợ gốc là 488.357.000^d (*Bốn trăm tám tám triệu, ba trăm năm bảy nghìn đồng*), nợ lãi là 214.282.361^d (*Hai trăm mười bốn triệu, hai trăm tám hai nghìn, ba trăm sáu mươi đồng*), nợ lãi quá hạn là 38.494.385^d (*Ba tám triệu, bốn trăm chín tư nghìn, ba trăm tám lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. (*Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân*

hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H không thanh toán được nợ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất theo Giấy CNQSDĐ số CI 585391 cấp ngày 18/01/2018 do UBND huyện C cấp; số vào sổ cấp GCN: CS 05726; Diện tích 703,3m² (trong đó: đất ở nông thôn 100m²; đất trồng cây lâu năm: 603,3m²) tại thửa đất số 68; tờ bản đồ số 28; địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn Bản C1, xã T, tỉnh Thái Nguyên). Tài sản gắn liền với đất là: Nhà xây kiên cố, mái lợp tôn, trần ốp gỗ, nền lát gạch hoa, tổng diện tích sử dụng 100m², diện tích xây dựng 100m² tại Thôn B Cón, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (nay là thôn Bản C1, xã T, tỉnh Thái Nguyên). Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên), (có sơ đồ kèm theo).

3. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng N tự nguyện chịu chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền là 4.000.000^d (Bốn triệu đồng). Xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về án phí: Buộc bà Hà Thị T và ông Hoàng Văn H phải chịu 33.645.349^d (Ba ba triệu, sáu trăm bốn lăm nghìn, ba trăm bốn chín đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền 15.879.000^d (Mười lăm triệu, tám trăm bảy chín nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Thái Nguyên) theo biên lai số 0001882 ngày 08/10/2024.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt nguyên đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 6;
- THADS khu vực 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vi Hồng Lễ